

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2018

V/v: “Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Ninh**

- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hoàng Hanh**

Ông Hồ Viết Trung

- Thư ký Tòa án: **Ông Vũ Đình Kiên** – Cán bộ tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Dạ Lan** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 161/2018/TLST-HN&GD ngày 02/3/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐ-ST ngày 30/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn anh Khương Văn T - SN: 1982 (có mặt)

Bị đơn chị Đặng Thị T – SN: 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn PH, xã B T, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Khương Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B P, huyện P L cũ (nay là xã B T, huyện PR), tỉnh Bình Phước vào ngày 05/4/2007. Quá trình chung sống thời kỳ đầu hôn nhân hạnh phúc. Tuy nhiên về sau thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cố gắng hòa giải mà không được. Ông T cho rằng vợ chồng không thể hàn gắn mâu thuẫn được nên yêu cầu được ly hôn với bà T. Sau khi ông T báo cho bà T về việc nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì vào ngày 05/3/2018 bà T đã bỏ về Đăk Lăc sinh sống nhưng ông không biết cụ thể bà T sinh sống tại địa phương nào, tại xã Bình

Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nơi hai vợ chồng chung sống thì bà T không có thân nhân nào sinh sống.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Khương Văn Tiền, sinh ngày 28/5/2008, hiện nay cháu Tiền đang sống với bà T. Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung, T sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã niêm yết tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà T vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39. Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử nguyên đơn ông Khương Văn T được ly hôn với bị đơn bà Đặng Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn ông Khương Văn T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Đặng Thị T theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại xã B T, huyện P R, tỉnh Bình Phước nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng. Bị đơn bà Đặng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Khương Văn T và bà Đặng Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B P, huyện P L (nay là xã B T, huyện PR), tỉnh Bình Phước vào ngày 05/4/2007. Việc kết hôn của ông T và bà T là

đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ “thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa...” Tuy nhiên, bà T vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án không có lý do. Như vậy, bà T tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa ông T cho rằng cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã lẫn nhau và xảy ra xô xát đánh nhau, vợ chồng đã sống ly thân đã lâu. Lời trình bày của ông T là phù hợp với nội dung xác minh ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng tại địa phương nơi ông T và bà T sinh sống. Như vậy, vợ chồng ông Tài, bà T đã không còn chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau từ lâu nên có căn cứ xác định ông Tài, bà T chung sống không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về T sản chung và nợ chung*: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông T phải chịu 300.000đồng.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 288; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Khương Văn Tài

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Khương Văn T được ly hôn với bị đơn bà Đặng Thị T.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, T sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Khương Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm

ngành) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026290 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Ninh